

Bản án số: 809/2024/DS-ST
Ngày: 04-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Chí
- Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 653/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 545/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985; địa chỉ: đường A, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Bà Vũ Hoàng Kim P, sinh năm 2000; địa chỉ liên lạc: đường C, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền số: 003581, quyền số 03/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20 tháng 3 năm 2024)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc M, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú: đường F, Phường G, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: đường H, Phường I, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: đường K, Phường L, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

(Bà P, ông H có mặt; bà M và bà H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 20 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Hoàng Kim P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 08/7/2022, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Trúc M ký biên bản thỏa thuận về việc ông H cho bà M vay số tiền là 1.980.000.000 đồng (một tỷ chín trăm tám mươi triệu) đồng, không lãi suất; thời hạn 12 tháng tính từ ngày 08/07/2022 đến hết ngày 07/07/2023; bà M có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền gốc 40.000.000 đồng/1 tháng, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 08 hàng tháng; nếu quá thời hạn này (tính từ ngày 15 hàng tháng) thì ngoài số tiền gốc hàng tháng phải trả, bà M phải chịu mức phạt do chậm thanh toán là 1.500.000 đồng/1 ngày chậm trả, tối đa thời gian chậm trả không quá 02 tháng; kỳ thanh toán đầu tiên là ngày 08/7/2022; thời hạn thanh toán cuối cùng (ngày 07/07/2023), bà M trả cho ông H số tiền là 1.540.000.000 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi triệu) đồng.

Bà M đã ký Hợp đồng ủy quyền toàn quyền cho ông H quản lý, sử dụng, định đoạt đối với 02 thửa đất số 60, tờ bản đồ số 43 và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 44 tại địa chỉ ấp N, Xã M, Huyện Y, tỉnh K tại Phòng công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bà M. Trường hợp bà M chậm thanh toán cho ông H số tiền gốc hàng tháng trong 02 tháng bất kỳ của thời hạn vay thì ông H có quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hình thức chuyển nhượng các thửa đất theo hai giấy chứng nhận nêu trên cho bên thứ ba với giá thỏa thuận là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu) đồng để trừ vào nợ vay.

Từ tháng 7/2022 đến tháng 10/2022, bà M đã trả cho ông H số tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng. Ngày 04/3/2024, ông H đã chuyển nhượng 02 tài sản tại Ấp N, Xã M, Huyện Y, tỉnh K để căn trừ vào nợ gốc của bà M là 600.000.000 đồng. Như vậy, bà M đã trả cho ông H tổng cộng là 740.000.000 đồng.

Do bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Thị Trúc M phải thanh toán cho ông H số tiền nợ gốc còn lại theo Biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/07/2022 là: 1.240.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Trúc M phải bồi thường cho ông H lãi suất chậm trả là 10%/năm trên số tiền chậm trả còn lại tương ứng với thời gian chậm trả tính từ ngày 08/07/2023 (ngày hết thời hạn vay của biên bản thỏa thuận) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (04/9/2024) là: 1.240.000.000 đồng (số tiền chậm trả còn lại) x 10%/năm (mức lãi suất chậm trả) x 13 tháng 27 ngày (thời gian chậm trả) = 143.633.000 (một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

- Buộc bà M bồi thường thiệt hại 1.000.000.000 đồng (một tỷ) đồng cho việc khởi kiện để ông H đòi tiền vay theo Biên bản thỏa thuận ngày 08/7/2022.

Như vậy, ông H yêu cầu bà Mai trả tổng số tiền là: 2.383.633.000 đồng (hai tỷ ba trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bà M còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bị đơn – bà Nguyễn Thị Trúc M không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại bản tự khai ngày 23/5/2024, bà Lê Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà biết chồng bà là ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc M trả nợ theo biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/7/2022. Bà xác định số tiền ông H cho bà M vay là tài sản riêng của ông H nên bà không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông H khởi kiện yêu cầu bà M trả nợ theo biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/7/2022, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông H cư trú tại đường A, Phường B, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H và bà M thỏa thuận Tòa án nơi nguyên đơn

cư trú có thẩm quyền giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về người tham gia tố tụng:

Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bà H xác định số tiền ông H cho bà M vay là tài sản riêng của ông H, bà H không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Căn cứ khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bà H không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà H không được thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã đăng, phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà M biết thông tin văn bản cần được cấp, tổng đạt như giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà M vắng mặt, không nộp (*gửi*) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

- Căn cứ nội dung biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/7/2022 và nội dung bà M xác nhận đã nhận đủ của ông H số tiền 1.980.000.000 đồng thể hiện bà M có vay của ông H số tiền nợ gốc là 1.980.000.000 đồng là sự thật.

- Ông H thừa nhận bà M đã trả cho ông tổng số tiền nợ gốc là 740.000.000 (bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng, Hội đồng xét xử buộc bà M trả cho ông H số tiền nợ gốc còn lại 1.240.000.000 đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

- Căn cứ Điều 1 của biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/7/2022, ông H cho bà M vay không lãi suất, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 08/7/2022 đến hết ngày 07/7/2023. Bà M vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nên ông H yêu cầu bà M trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/1 năm, tính từ ngày 08/7/2023 đến ngày xét xử là 143.633.000 (một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn) đồng là phù hợp với khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Căn cứ mục 3.2.4 khoản 3.2 Điều 3 của biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/7/2022, bà M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông H yêu cầu bà M bồi thường cho ông chi phí cho việc khởi kiện 1.000.000.000 (một tỷ) đồng là phù hợp

với ý chí thỏa thuận của các bên, không trái với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét, ông H yêu cầu bà M trả cho ông tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi bà M thi hành án xong là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 5, 91, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các **điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;**

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc M trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc theo biên bản thỏa thuận về việc vay tài sản ngày 08/7/2022 là 1.240.000.000 (một tỷ hai trăm bốn mươi triệu) đồng và nợ lãi chậm trả tính đến ngày 04/9/2024 là 143.633.000 (một trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn) đồng, tổng cộng là 1.383.633.000 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi ba triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc M, bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

Thời hạn trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H được nhận lại số tiền tạm nộp án phí khi khởi kiện là 39.226.340 (ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23P số 0013490 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

Bà M phải nộp số tiền án phí là 79.672.660 (bảy mươi chín triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi) đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Hồng Đào

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Châu Thị Hồng Đào